TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 16 – 5 – 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 4 và ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/HNGĐ-PT ngày 28/01/2019 về việc: *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Bà Hà Thị Ngọc M, sinh năm 1978 "có mặt"

Bị đơn: Ông Hoàng Đức H, sinh năm 1982 "có mặt"

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1957 "có mặt"

Bà Ngô Thị K, sinh năm 1957

Người đại diện theo ủy quyền của bà K có ông Hoàng Văn N

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Văn N: Ông Phạm Đình T – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước. "có đơn xin xet xử vắng mặt".

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M: Luật sư ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 – Đoàn luật sư thành phố H. "có mặt"

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa liên quan ông Hoàng Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hoàng Đức H tự nguyện kết hôn và sống chung với nhau từ năm 2002, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P (cũ) nay là huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 08/10/2002.Trong quá trình chung sống thì chúng tôi sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, từ cuối năm 2003, sau khi hai vợ chồng ra ở riêng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do ông H hay uống rượu về nhà thường xuyên gây sự, chửi bới, đánh đập, đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi đã khuyên ngăn và hòa giải, bỏ qua cho ông H nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là vào tết nguyên đán năm 2017 thì ông H đã đánh và đuổi tôi ra khỏi nhà. Vì vậy, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân được 06 tháng, nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Hoàng Đức H,

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung: Cháu Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 21/9/2003 và Hoàng Anh T sinh ngày 04/6/2008.

Khi ly hôn tôi yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con, các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có tạo dựng được các tài sản chung như sau:

+ Một mảnh đất có diện tích 2989m^2, tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng cà phê. Nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn N và bà Ngô Thị K cho năm 2006 (khi cho trên đất trồng điều, đến năm 2006 sau khi bố mẹ cho thì chúng tôi chặt điều trồng cà phê và thu hoạch từ đó cho đến nay). Phần diện tích đất này hiện đang lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Một mảnh đất có diện tích 29358,6m^2, tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng điều, tiêu và 01 căn nhà cấp 4, 01 bể nước. Nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn N và bà Ngô Thị K cho năm 2003 (khi cho trên đất trồng điều và 01 căn nhà cấp 4, sau khi bố mẹ cho thì chúng tôi có chặt 03 sào điều trồng tiêu vào năm 2013, xây thêm phần bếp, hành lang nhà vào phần nhà chung và thu hoạch từ đó cho đến nay). Phần diện tích đất này hiện đang lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 máy xay tiêu

Khi ly hôn tôi yêu cầu được chia đôi phần tài sản trên, mỗi người một nửa và tôi yêu cầu được nhận hiện vật

Ngoài ra có hai chiếc xe mô tô, nhưng phần tài sản này chúng tôi đã sử dụng mỗi người một chiếc nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung này

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hoàng Đức H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với phần trình bày của Mai về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tôi không có ý kiến gì thêm. Trong thời gian chung sống thì tôi và bà M sống rất hạnh phúc, mặc dù tôi cũng có lỗi trong việc gây nên mâu thuẫn gia đình đó là tôi có nhậu nhẹt, về nhà có đánh vợ. Tuy nhiên, tôi vẫn còn thương vợ nên tôi mong muốn được đoàn tụ gia đình, không muốn ly hôn. Nay bà M làm đơn yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung: Cháu Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 21/9/2003 và Hoàng Anh T sinh ngày 04/6/2008. Tôi yêu cầu được nuôi cả hai con chung

Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có tạo dựng được phần tài sản chung là:

+ Phần diện tích nhà bếp, xây dựng năm (không nhớ), 01 cái bể xây, 02 chiếc xe mô tô. Ngoài ra không có tài sản nào khác.

Đối với hai mảnh đất mà chị M trình bày ở trên là của bố mẹ tôi là ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị K.

+ Đối với mảnh đất có diện tích 2989m^2, tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng cà phê. Nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn N và bà Ngô Thị K cho năm 2006, sau khi bố mẹ tôi cắt điều cuốc hố xong thì cho vợ chồng tôi trồng cà phê, trong thời gian đó đến nay thì vợ chồng tôi là người chăm sóc và thu hoạch cà phê. Phần diện tích đất này hiện đang lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đối với mảnh đất có diện tích 29358,6m^2, tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng điều, tiêu và 01 căn nhà cấp 4, 01 bể nước. Nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn N và bà Ngô Thị K cho năm 2003, chúng tôi có chặt 03 sào điều để trồng tiêu vào năm 2013. Từ đó cho đến nay chúng tôi là người quản lý, chăm sóc và thu hoạch phần diện tích đất này hiện đang lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ly hôn tôi không đồng ý với yêu cầu của bà M mà phần diện tích đất này là của bố mẹ tôi nên tôi yêu trả lại cho bố mẹ tôi.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Văn N trình bày:

Về phần tài sản mà chị M khai ở trên là tôi không đồng ý, vì đây là tài sản của tôi và vợ tôi, cụ thể như sau:

+ Đối với mảnh đất có diện tích 2989m^2, tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng cà phê. Nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn N và bà Ngô Thị K, Nguồn gốc mảnh đất này là do tôi và vợ tôi khai phá từ năm 1990-1993 và trồng cây điều. Đến năm 2006 thì cho vợ chồng Mai Hiệp, thì vợ chồng Mai Hiệp trồng cà phê, chăm sóc, thu hoạch từ đó cho đến nay. Khi anh H, chị M trồng cà phê thì chúng tôi có biết và đồng ý. Tuy nhiên, đây chỉ là tạo điều kiện cho vợ chồng anh H, chị M làm ăn chứ không phải là cho hẳn.

+ Đối với mảnh đất có diện tích 29358,6m^2, tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng điều, tiêu và 01 căn nhà cấp 4, 01 bể nước. Nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn N và bà Ngô Thị K khai phá năm 1993 và trồng điều, năm 1997 thì xây dựng 01 căn nhà cấp 4. Đến năm 2003 chúng tôi có cho anh H, chị M phần diện tích đất này để ra ở riêng và làm ăn. Năm 2013 thì chị M và anh H có chặt 03 sào điều để trồng tiêu. Khi anh H, chị M trồng tiêu thì chúng tôi có biết và đồng ý. Tuy nhiên, đây chỉ là tạo điều kiện cho vợ chồng anh H, chị M làm ăn chứ không phải là cho hẳn.

Hai phần diện tích đất này chị M và anh H là người quản lý, chăm sóc và thu hoạch từ đó cho đến nay. Khi anh H, chị M làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tôi có biết, vì đây là chủ trương của nhà nước cấp toàn bộ cho người dân, nên việc này tôi có biết, không có ý kiến gì. Còn quy trình cấp đất như thế nào thì theo quy định của nhà nước.

Nay chị M, anh H giải quyết ly hôn tại Tòa án, tôi yêu cầu anh H, chị M trả lại phần diện tích đất cho tôi. Đối với phần tài sản trên đất mà anh H, chị M tạo dựng thì tôi không có ý kiến gì mà do hai vợ chồng M, H tự chia bằng việc tính giá trị, tôi sẽ trả lại bằng giá trị tương đương.

** Theo biên lấy lời khai ngày 14/12/2017 cháu Hoàng Thị Cẩm L và Hoàng Anh T trình bày:*

Trong quá trình chung sống thì cháu không biết việc cha mẹ cháu có mâu thuẫn như thế nào. Trong trường hợp cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được mẹ cháu là Hà Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

** Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/01/2018và biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B có nội dung:*

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, xác định 02 mảnh đất tranh chấp tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích thực tế:

* Mảnh đất thứ nhất có diện tích là 29358,6 m^2, tọa lại tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có vị trí:

- Phía Tây giáp đường ĐT 741 và đất ông T
- Phía Đông giáp đường ĐT 741 và đất ông N1
- Phía Bắc giáp đường ĐT 741
- Phía Nam giáp đất ông N, ông N1, ông T

Tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm có:

+ Một căn nhà cấp 4 xây năm 1997, diện tích 118,8m^2, nhà có kết cấu: tường xây gạch có tô trát, cột kèo bằng gỗ, mái lợp ngói, cửa gỗ, nền nhà lát gạch men,

01 nhà bếp diện tích 47,04 m^2, xây năm 2015, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay gỗ, nền lát gạch men, cửa sắt có kính, tường xây tô trát

01 mái hiên diện tích 12,9m^2, dựng năm 2015, có kết cấu mái Lợp tôn, cột kèo bằng sắt

+ 01 bể nước thể tích 30m^3, xây dựng năm 2015, có kết cấu: xây kín bốn mặt, tường xây gạch có tô trát

+ Có 430 cây điều trồng từ năm 1990 đến 1993; 318 cây tiêu trồng năm 2015 và 10 cây tiêu trồng năm 2017; trụ tiêu bằng cây lồng mứt

* Mảnh đất thứ hai có diện tích 2989,0m^2, tọa lại tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có vị trí:

- Phía Bắc giáp đất ông N
- Phía Tây giáp đất ông Ông T2
- Phía Đông giáp đất ông N
- Phía Nam giáp đất ông T

Tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm có:

+ 193 cây cà phê trồng năm 2007

+ 146 cây tiêu trồng năm 2017, trụ cây bằng gỗ tạp.

Ngoài ra có động sản là: 01 máy xay tiêu hiệu cơ kí Hoàng Phúc mua năm 2012. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 1.166.230.480 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 25/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Ngọc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hà Thị Ngọc M được ly hôn ông Hoàng Đức H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao người con chung là Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 21/9/2003 và Hoàng Anh T sinh ngày 04/6/2008 cho bà Hà Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Phần bà Hà Thị Ngọc M được chia:

* Giao phần diện tích đất 2989,0m^2, tọa lại tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cho bà Hà Thị Ngọc M được quyền quản lý, sử dụng. Đất có vị trí:

- Phía Bắc giáp đất ông N
- Phía Tây giáp đất ông Ông T2
- Phía Đông giáp đất ông N
- Phía Nam giáp đất ông T

Tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm có:

+ 193 cây cà phê trồng năm 2007

+ 146 cây tiêu trồng năm 2017, trụ cây bằng gỗ tạp.

Giao phần diện tích đất 5450,4m^2, tọa lại tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phướccho bà Hà Thị Ngọc M được quyền quản lý, sử dụng. Đất có vị trí:

- Phía Bắc giáp đất ông H được chia (dài 94,64m)
- Phía Nam giáp đất ông T (dài 65,71m)
- Phía Đông giấp đất ông H được chia (dài 70m)
- Phía Tây giáp đường ĐT 741 (dài 70,46m)

Tài sản gắn liền với đất gồm có:

+ Một căn nhà cấp 4 xây năm 1997, diện tích 118,8m^2, nhà có kết cấu: tường xây gạch có tô trát, cột kèo bằng gỗ, mái lợp ngói, cửa gỗ, nền nhà lát gạch men,

01 nhà bếp diện tích 47,04 m^2, xây năm 2015, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay gỗ, nền lát gạch men, cửa sắt có kính, tường xây tô trát

01 mái hiên diện tích 12,9m^2, dựng năm 2015, có kết cấu mái lợp tôn, cột kèo bằng sắt

+ 01 bể nước thể tích 30m^3, xây dựng năm 2015, có kết cấu: xây kín bốn mặt, tường xây gạch có tô trát.

+ 318 cây tiêu trồng năm 2015 và 10 cây tiêu trồng năm 2017; trụ tiêu bằng cây lồng mứt.

Động sản: 01 máy chà tiêu

Tổng giá trị tài sản: 479.621.120 đồng

* Phần ông H được chia: Giao phần diện tích đất 23908,2 m^2 , tọa lại tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước ông Hoàng Đức H được quyền quản lý sử dụng. Đất có vị trí:

- Phía Tây giáp đường ĐT 741, phần đất bà M được chia
- Phía Đông giáp đường ĐT 741 và đất ông N1
- Phía Bắc giáp đường ĐT 741
- Phía Nam giáp đất ông N, phần đất bà M được chia

Tài sản gắn liền với đất gồm có:

+ Có 430 cây điều trồng từ năm 1990 đến 1993

Tổng giá trị tài sản: 686.663.360 đồng

Bà M có nghĩa vụ trả lại phần chênh lệch tài sản cho ông H là 13.128.000 *(mười ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn)*đồng

Bà M và ông H Duyên tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được chia. Trong trường hợp không tự liên hệ được thì có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền để thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27-11-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn N có đơn kháng cáo đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Hà Thị Ngọc M và anh Hoàng Đức H trả lại đất và tài sản trên đất cho ông.

** Tại phiên tòa:*

Các đương sự thống nhất chia tài sản theo biên bản thỏa thuận của các đương sự đề ngày 10 – 5 – 2019.

Ông N, ông H đồng ý chia cho bà M diện tích 10006,5m^2 theo trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết án tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Công nhân sự thỏa thuân của các đương sự, sửa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 25/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc M, bị đơn ông Hoàng Đức H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Hoàng Văn N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Tài sản chung của vợ chồng ông H bà M gồm:

* Mảnh đất thứ nhất có diện tích là 29358,6 m^2, tọa lại tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm có:

+ Một căn nhà cấp 4 xây năm 1997, diện tích 118,8m^2, nhà có kết cấu: tường xây gạch có tô trát, cột kèo bằng gỗ, mái lợp ngói, cửa gỗ, nền nhà lát gạch men; 01 nhà bếp diện tích 47,04 m^2, xây năm 2015, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay gỗ, nền lát gạch men, cửa sắt có kính, tường xây tô trát; 01 mái hiên diện tích 12,9m^2, dựng năm 2015, có kết cấu mái Lợp tôn, cột kèo bằng sắt; 01 bể nước thể tích 30m^3, xây dựng năm 2015, có kết cấu: xây kín bốn mặt, tường xây gạch có tô trát; 430 cây điều trồng từ năm 1990 đến 1993; 318 cây tiêu trồng năm 2015 và 10 cây tiêu trồng năm 2017, trụ tiêu bằng cây lồng mức.

* Mảnh đất thứ hai có diện tích 2989,0m^2, tọa lại tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tài sản gắn liền với đất tranh chấp gồm có:193 cây cà phê trồng năm 2007 và 146 cây tiêu trồng năm 2017, trụ cây bằng gỗ tạp.

Ngoài ra có động sản là: 01 máy xay tiêu hiệu cơ kí Hoàng Phúc mua năm 2012. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 1.166.230.480 đồng.

Các đương sự thống nhất chia cho bà M các tài sản gồm:

* Diện tích đất 2989,0m^2, tọa lại tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cho bà Hà Thị Ngọc M được quyền quản lý, sử dụng.

Tài sản gắn liền với đất gồm có: 193 cây cà phê trồng năm 2007 và 146 cây tiêu trồng năm 2017, trụ cây bằng gỗ tạp.

* Diện tích đất 01ha (theo kết quả đo đạc 10006,5m^2) tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 19.

Tài sản gắn liền với đất gồm có:

+ 190 cây điều trồng từ năm 1990 đến năm 1993.

Tổng giá trị tài sản chia cho bà M là 424.111.200 đồng

Các đương sự thống nhất chia cho ông H các tài sản gồm:

Diện tích đất 19358,6m^2 (theo kết quả đo đạc là 19352,2m^2) tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thửa số 381, tờ bản đồ số 19 cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Tài sản gắn liền với đất gồm có:

+ Một căn nhà cấp 4 xây năm 1997, diện tích 118,8m^2, nhà có kết cấu: tường xây gạch có tô trát, cột kèo bằng gỗ, mái lợp ngói, cửa gỗ, nền nhà lát gạch men. (Trong đó phòng khách và phòng ngủ có diện tích 71,76m^2, xây dựng năm 1997, có kết cấu: Mái lợp ngói, đòn tay gỗ, nền lách gạch men, cửa gỗ, tường xây có tô trát. Và 01 nhà bếp diện tích 47,04 m^2, xây năm 2015, kết cấu: Mái lợp tôn, đòn tay gỗ, nền lát gạch men, cửa sắt có kính, tường xây tô trát)

+ 01 mái hiên nhà diện tích 12,9m^2, dựng năm 2015, có kết cấu mái lợp tôn, cột kèo bằng sắt;

+ 01 bể nước thể tích 30m^3, xây dựng năm 2015, có kết cấu: Xây kín bốn mặt, tường xây gạch có tô trát;

+ 240 cây điều trồng từ năm 1990 đến năm 1993;

+ 318 cây tiêu trồng năm 2015, trụ bằng cây lồng mức;

+ 10 cây tiêu trồng năm 2017, trụ bằng cây lồng mức;

* Động Sản: 01 máy xay tiêu hiệu cơ khí Hoàng Phúc.

Tổng giá trị tài sản chia cho ông H là 742.119.280 đồng.

[2] Theo công văn trả lời số 445/UBND-SX ngày 04/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B thì hai thửa đất trên đang trong quá trình làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà M

Xét thấy, Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn N, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về số tiền tạm ứng chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tiền đo đạc là 14.659.000 đồng, bà M và ông H phải chịu, do bà M đã tạm ứng chi phí số tiền trên nên ông H có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền 7.329.500 đồng (*Bảy triệu ba trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

[6] Về án phí:

+ *Án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, bà M phải chịu.

+ *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Bà M phải chịu 20.964.448đ *(hai mươi triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.300.000 đồng bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018089 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà M còn phải nộp thêm số tiền 10.664.448đ (*mười triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Ông Hoàng Đức H phải chịu số tiền 33.684.771đ (*Ba mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[8] Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148 và Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa liên quan ông Hoàng Văn N.

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, 59, 62 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Ngọc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ngọc M được ly hôn ông Hoàng Đức H. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao người con chung là Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 21/9/2003 và Hoàng Anh T sinh ngày 04/6/2008 cho bà Hà Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc M, bị đơn ông Hoàng Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn N về việc phân chia tài sản chung như sau:

* Chia cho bà Hà Thị Ngọc M được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 2989,0m^2, tọa lại tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đất ông N
- Phía Tây giáp đất ông Ông T2

- Phía Đông giáp đất ông N

- Phía Nam giáp đất ông T

Giá trị tài sản là 74.127.200 đồng

(*Có Bản đồ trích đo địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện B ngày 09-4-2018 kèm theo*).

Bà M được sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 2989,0m^2 gồm: 193 cây cà phê trồng năm 2007; 146 cây tiêu trồng năm 2017, trụ cây bằng gỗ tạp.

Giá trị tài sản là 60.564.200 đồng

* Chia cho cho bà Hà Thị Ngọc M được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 10006,5m^2 (Trong đó: Hành lang lộ giới là 4678,9m^2) tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 19. Đất có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường ĐT 741 chiều dài 83,68m

- Phía Tây giáp đường ĐT 741 chiều dài 136,11m

- Phía Đông giáp phần đất chia cho ông H chiều dài 163,57m

- Phía Nam giáp đất ông N1 chiều dài 54,06m

Giá trị tài sản là 248.000.000 đồng

(*Có Bản đồ trích đo địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện B ngày 13-5-2019 kèm theo*)

Bà M được sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 10006,5m^2 gồm: 190 cây điều trồng từ năm 1990 đến năm 1993.

Giá trị tài sản là 42.420. 000 đồng

Tổng giá trị tài sản chia cho bà M là 424.111.200 đồng.

* Chia cho ông Hoàng Đức H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 19352,2m^2 (Trong đó: Hành lang lộ giới là 2846,8m^2) tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thửa số 381, tờ bản đồ số 19. Đất có vị trí:

- Phía Bắc giáp đường ĐT 741 chiều dài 126,55m

- Phía Tây giáp phần đất chia cho bà M chiều dài 163,57m

- Phía Đông giáp đất ông T chiều dài 85,05m

- Phía Nam giáp đất ông N1 có chiều dà 49,79m giáp ông N chiều dài 127,63m.

Giá trị tài sản là 480.039.280 đồng

(*Có Bản đồ trích đo địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện B ngày 13-5-2019 kèm theo*)

Ông H được sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 19352,2m^2 gồm:

+ Một căn nhà cấp 4 xây năm 1997, diện tích 118,8m^2, nhà có kết cấu: tường xây gạch có tô trát, cột kèo bằng gỗ, mái lợp ngói, cửa gỗ, nền nhà lát gạch men. (Trong đó phòng khách và phòng ngủ có diện tích 71,76m^2, xây dựng năm 1997, có kết cấu: Mái lợp ngói, đòn tay gỗ, nền lách gạch men, cửa gỗ,

tường xây có tô trát. Và 01 nhà bếp diện tích 47,04 m^2, xây năm 2015, kết cấu: Mái lợp tôn, đòn tay gỗ, nền lát gạch men, cửa sắt có kính, tường xây tô trát)

+ 01 mái hiên nhà diện tích 12,9m^2, dựng năm 2015, có kết cấu mái lợp tôn, cột kèo bằng sắt;

+ 01 bể nước thể tích 30m^3, xây dựng năm 2015, có kết cấu: Xây kín bốn mặt, tường xây gạch có tô trát;

+ 240 cây điều trồng từ năm 1990 đến năm 1993;

+ 318 cây tiêu trồng năm 2015, trụ bằng cây lồng mức;

+ 10 cây tiêu trồng năm 2017, trụ bằng cây lồng mức;

Giá trị tài sản là 256.380.000 đồng

* Chia cho ông Hoàng Đức H 01 máy xay tiêu hiệu cơ khí Hoàng Phúc, có giá trị 5.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chia cho ông H là 742.119.280 đồng

Bà M và ông H Duyên được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích được chia nêu trên theo luật đất đai.

(*Có Bản đồ trích đo địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện B kèm theo).*

[3] Về số tiền tạm ứng chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tiền đo đạc là 14.659.000 đồng, bà M và ông H phải chịu mỗi người 1/2, do bà M đã nộp tạm ứng chi phí số tiền trên nên ông H có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền 7.329.500 đồng (*Bảy triệu ba trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

[4] Về án phí:

+ *Án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng),* bà M phải chịu.

+ *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Bà M phải chịu 20.964.448đ *(hai mươi triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.300.000 đồng bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018089 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà M còn phải nộp thêm số tiền 10.664.448đ (*mười triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Ông Hoàng Đức H phải chịu số tiền 33.684.771đ (*Ba mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*).

- Ông Hoàng Văn N được miễn án phí do thuộc trường hợp người có công với cách mạng và có đơn xin miễn án phí.

+ *Án phí dân sự phúc thẩm*: Các đương sự không phải chịu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có `quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu (HS,TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bình